

# MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ ĐỜI SỐNG TÍN NGƯỠNG CỦA NGƯỜI DÂN TỘC CƠ – HO

Cao Xuân Liễu

*Khoa Sư phạm - Trường Đại học Đà Lạt.*

## 1. Đặt vấn đề

Theo thống kê năm 1999 của Cục thống kê Nhà nước<sup>(3)</sup>, Cơ – ho là một trong những dân tộc có số lượng chiếm tương đối lớn, đứng thứ 15 trong 54 dân tộc ở Việt Nam, đứng thứ 3 trong 21 dân tộc nói tiếng Môn – Khome, đứng thứ 4 trong 12 dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên... Với gần 130.000 người, người Cơ – ho sống rải rác ở các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên như Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk... nhưng chủ yếu tập trung ở Lâm Đồng. Tại tỉnh Lâm Đồng, Cơ – ho là dân tộc chiếm số lượng đông nhất so với các dân tộc anh em khác sống trên mảnh đất Nam Tây Nguyên này. Về mặt văn hóa xã hội, đời sống tinh thần, dân tộc Cơ – ho ở Việt Nam được xem là một dân tộc có nhiều nét đặc sắc và phong phú đáng được quan tâm, nghiên cứu và lưu giữ trong bức tranh chung về văn hóa các cộng đồng người thiểu số ở Việt Nam.

## 2. Vài nét về đời sống kinh tế và tổ chức xã hội

Cộng đồng người Cơ – ho được chia thành nhiều nhóm khác nhau như Srê, Chil, Lach, Nộp, Dòn,... và cư trú ở nhiều nơi khác nhau thuộc vùng cao. Tùy theo đặc điểm địa lý khác nhau của từng nhóm mà họ có tổ chức đời sống kinh tế khác nhau nhất định. Tuy nhiên, nhìn chung ngành kinh tế chủ đạo của người Cơ – ho là trồng trọt, nên nguồn lương thực chủ yếu của họ là gạo, sắn, ngô... Hiện nay, người Cơ – ho nói chung đã chuyển dần sang canh tác cây cà phê (một loại cây trồng có giá trị kinh tế cao), nên đời sống kinh tế của cộng đồng dân tộc này ít nhiều được cải thiện và không còn phụ thuộc hoàn toàn vào các cây lương thực truyền thống như ngày xưa.

**Bon** là đơn vị tổ chức xã hội cao nhất mà dân tộc Cơ – ho đạt đến và được xem như là làng truyền thống theo mô hình công xã nông thôn hoặc công xã láng giềng, nó mang đậm dấu ấn của công xã thị tộc mẫu hệ. Bon vừa là một đơn vị tổ chức xã hội, vừa là đơn vị kinh tế tự túc, tự cấp. Người đứng đầu Bon

là già làng – người được xem là hiện thân của yếu tố tinh thần đưa đến sự thống nhất và hưng thịnh của cộng đồng làng trong xã hội cổ truyền của người Cơ – ho.

### **3. Tổ chức gia đình và chế độ hôn nhân mẫu hệ**

Điều đặc trưng khác so với một số dân tộc khác ở Việt Nam là chế độ mẫu hệ trong đời sống gia đình người Cơ - ho. Gia đình lớn mẫu hệ và gia đình nhỏ mẫu hệ là hai hình thức tổ chức gia đình trong xã hội truyền thống của người Cơ – ho. Hiện nay, mô hình gia đình nhỏ mẫu hệ đang chiếm đa số trong cộng đồng người Cơ – ho do tác động của các yếu tố kinh tế xã hội từ bên ngoài và một số yếu tố bên trong. Dù tồn tại với mô hình nào, những dấu ấn mẫu hệ vẫn được duy trì và bảo lưu cho tới thời điểm hiện nay. Theo chế độ hôn nhân này, con cái sinh ra đều theo họ mẹ, quyền thừa kế tài sản thuộc về người con gái và người phụ nữ đóng vai trò chủ động trong hôn nhân. Sau ngày thành hôn, chàng rể phải chuyển về sinh sống ở bên nhà vợ.

Trong hôn nhân, việc kết hôn giữa những người cùng dòng họ, đặc biệt ở cùng một địa phương là tuyệt đối không được phép. Theo tập tục này, con chú, con bác không được lấy nhau vì cùng huyết thống của người cha. Tuy nhiên, con cô, con cậu (con của người mẹ và con của em trai người mẹ) có thể lấy nhau nếu như được sự đồng ý của hai gia đình. Điều đặc biệt trong đời sống hôn nhân của người Cơ – ho là nếu như vợ chết, người chồng có thể kết hôn với em gái của vợ. Ngược lại, nếu chồng chết, người vợ có thể lấy em trai của chồng nếu người em trai này đồng ý.

### **4. Đời sống văn hóa tín ngưỡng**

Theo thế giới quan của người Cơ – ho, vũ trụ hiện sinh có 3 tầng rõ rệt, đó là tầng trời, tầng người sống và tầng người chết. Tầng trời được xem là chốn trú ngụ của các vị thần linh, nằm ở trên cao so với tầng người sống và tầng người chết do thần Ndu cai quản. Theo đó, thần Ndu là vị thần tạo ra tất cả, kể cả sự sống của con người và mọi sinh linh tồn tại trên cõi đời này. Ông được coi là vị thần có quyền năng và uy lực tối thượng có thể cai quản và điều khiển các vị thần khác. Thần Ndu không tồn tại như một vật thể xác định mà ở dạng phi vật chất, vô hình.

Tầng người sống có tên gọi là Tiah Dume có nghĩa là đất trần gian. Tầng này là chốn trú ngụ của con người thực tại, cây cỏ, sông suối, chim muông và các loài thú... Bên cạnh các loài sinh linh này, người Cơ – ho còn quan niệm rằng, ở tầng người sống còn có sự hiện diện của các vị khác như thần Nước (Yang Đa), thần Cây (Yang Chi), thần Núi (Yang Chơ) để chứng kiến và ngầm giúp đỡ sự phát triển của các loài sinh vật trên. Như vậy, khi quan niệm có tầng trời và tầng người sống trong cấu trúc thế giới quan như trên, người dân tộc Cơ-

- họ đã đặt cuộc sống của con người trong mối quan hệ khăng khít với thế giới tâm linh.

Tầng thứ ba có tên gọi là Brah Ting, có nghĩa là tầng người chết. Cũng giống như một số dân tộc khác ở Việt Nam và trên thế giới, người Cơ - ho cũng tin rằng có một thế giới tồn tại sau khi con người chết. Vì thế, đối với người Srê (một nhóm chính của dân tộc Cơ - ho) có tục mang quà tới chia cho người chết sau khi được báo tin có người thân qua đời. Ở thế giới người chết, vẫn tồn tại một khái niệm là sau khi chết, hồn (gọi là Soan) của người đó vẫn lẩn quất xung quanh và đi lang thang trong cộng đồng, thậm chí có thể nhập và đầu thai trở lại ở một người bà con nào đó. Bảy ngày sau khi chết, được người sống cúng thì hồn mới trở thành ma và không thể trở lại được nữa. Điều này lý giải tại sao người Cơ - ho có tục đi thăm mộ người chết sau 7 ngày. Khi đi thăm mộ người chết, người ta thường mang theo một ít gạo, thuốc rượu, bánh trái... để lần cuối cho người chết mang về thế giới bên kia.

Bên cạnh tín ngưỡng về thế giới tâm linh, người sống và người chết, tín ngưỡng về các con số cũng xuất hiện trong đời sống văn hóa tinh thần của người Cơ - ho, đặc biệt là con số 3 và con số 7. Theo họ, đây là những con số linh thiêng dùng để giao tiếp giữa con người với các vị đấng tối cao tâm linh. Ví dụ, rau trẻ em mới sinh được đem chôn 7 ngày, 7 đêm mới được đào lên mang bỏ vào rừng. Trong các lễ hội, đặc biệt là lễ đâm trâu, người ta múa 3 hay 7 vòng xung quanh cột. Người chết được cúng 7 ngày với thức cúng là cơm rau, rượu, thịt. Hoặc đám cưới truyền thống của người Cơ - ho thường kéo dài 7 ngày 7 đêm đối với nhà giàu, 3 ngày 3 đêm đối với nhà bình thường...

Giống như nhiều dân tộc thiểu số khác ở Việt Nam, thầy cúng không thể thiếu trong đời sống văn hóa xã hội của người Cơ - ho. Ngày trước, mỗi làng đều có một thầy cúng, thầy cúng là người đàn ông và do cha vợ truyền nghề cho. Thầy cúng làm cầu nối giữa các vị thần và con người. Lễ cúng thường rất thịnh soạn với đầy đủ các lễ vật như rượu, gà, bánh tét và tám vải dệt. Thầy bói cũng tồn tại trong xã hội người Cơ - ho, tuy nhiên, vai trò của thầy bói thì khác hoàn toàn với thầy cúng. Thầy bói có nhiệm vụ chỉ ra nguyên nhân đau ốm hay dịch bệnh, còn làm thế nào để hết đau ốm hay dịch bệnh thì phải cầu cứu tới thầy cúng. Người Cơ - ho cho rằng thầy cúng phải kiêng ăn thịt lợn và thịt chó thì mới có thể là cầu nối giữa họ với thế giới tâm linh được.

## **5. Một số tín ngưỡng liên quan đến nông nghiệp**

Trong các nghi lễ được tiến hành hàng năm thì nghi lễ liên quan đến công việc làm rẫy là nghi lễ quan trọng và được cử hành thường xuyên nhất do đời sống kinh tế của người Cơ - ho dựa vào nền sản xuất nông nghiệp là chủ yếu.

Lễ đầu tiên mà người Cơ – ho Srê (nhóm người chiếm đa số trong cộng đồng người Cơ – ho) tiến hành là lễ gieo hạt. Lễ này được cúng ngay tại ruộng trước khi gieo trồng với mục đích cầu xin trời đừng mưa lúc vừa gieo giống xong, vì như thế hạt giống sẽ bị hỏng. Sau đó khoảng 1 tháng, người dân Cơ – ho tiến hành lễ thứ hai gọi là lễ “rửa chân trâu” nhằm cầu cho trâu được béo tốt, có cỏ ăn và sinh sản nhiều sau những tháng ngày cày bừa vất vả. Khi lúa đã mọc đầy đồng, người ta tổ chức một lễ tập thể dưới chân ngọn núi để cảm ơn các vị thần linh đã ban phát mưa thuận gió hòa. Vào dịp lúa trở bông, cư dân Cơ – ho cử hành lễ Nhô kẹp cầu cho lúa ra nhiều bông và không bị chuột hay sâu bọ phá phách để thu hoạch được nhiều lúa gạo. Lễ này được các gia đình cúng riêng tại ruộng của mình, thường được tổ chức vào ngày trăng sáng vì họ mong ước cuộc sống đầy đủ và sung túc như trăng rằm. Lúc lúa đã bắt đầu ngậm hạt, người ta cắm ở mỗi thửa ruộng một con chim ó nhỏ bằng tre, màu đen vì họ cho rằng con ó được các vị thần linh phái đến vỗ cánh làm cho mọi bông lúa được chín rộ. Khi thu hoạch, trong lúc quạt lúa để phân loại, người Cơ – ho lấy những hạt thóc lép bỏ vào các chén bằng rom và đặt ở bên góc ruộng dành để cảm tạ các vị thần linh đã cho một mùa bội thu. Lễ cuối cùng trong các lễ cúng làm lúa gọi là Nhôlirbông. Lễ này được tiến hành khi công việc nương rẫy, ruộng đồng đã hoàn tất và các chén rượu cần được chưng cất đã tới ngày uống được. Thuật ngữ Nhôlirbông có nghĩa là đây nấp nương (vừa) thóc lại, kết thúc một mùa gieo trồng và thu hoạch.

Hiện nay, các nét sinh hoạt kinh tế, tổ chức xã hội, hôn nhân gia đình và văn hóa tinh thần trên vẫn còn khá phổ biến và tồn tại trong cộng đồng người dân tộc Cơ – ho nói chung. Tuy nhiên, do có nhiều nhóm khác nhau trong cộng đồng người dân tộc Cơ – ho nên mỗi nhóm lại có những nét sinh hoạt tín ngưỡng đặc trưng riêng cho mình. Bên cạnh tín ngưỡng đa thần như đã đề cập trên, do giao lưu văn hóa và ảnh hưởng của một số tôn giáo khác bên ngoài du nhập vào, yếu tố tín ngưỡng trong đời sống của người dân Cơ – ho đang bị tác động và ảnh hưởng mạnh mẽ bởi Thiên chúa giáo, đặc biệt là đạo Tin lành.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Bùi Minh Đạo – Vũ Thị Hồng (2003), *Dân tộc Cơ – ho ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
2. Phan Ngọc Chiến (2005), *Người Cơ – ho ở Lâm Đồng*, Nhà xuất bản Trẻ.
3. Tổng cục thống kê (1999), *Báo cáo kết quả điều tra toàn bộ, Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam, 1 – 4 – 1999*, Nhà xuất bản Thống kê.
4. Mạc Đường (chủ biên) (1983), *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*, Sở Văn hóa thông tin Lâm Đồng.
5. Lưu Hùng (1994), *Buôn làng cổ truyền xứ Thượng*, Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc.